



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIETNAM ACADEMY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT
INSTITUTE OF ECOLOGY AND BIOLOGICAL RESOURCES (IEBR)

ISBN: 978-604-913-408-1

**BÁO CÁO
KHOA HỌC**
**VỀ SINH THÁI
VÀ TÀI NGUYÊN
SINH VẬT**
6

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC LẦN THỨ
HÀ NỘI, 21/10/2015

PROCEEDINGS OF THE 6TH NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE
ON ECOLOGY AND BIOLOGICAL RESOURCES
HANOI, 21/10/2015

CONTENTS

	INTRODUCTION	7
	FAUNA AND FLORA	9
TA THI MAI ANH, NGUYEN NGOC CHAU	PLANT PARASITIC NEMATODES ASSOCIATED WITH PEANUTS IN HUNG YEN PROVINCE	16
TRAN THI PHUONG ANH, VU TIEN CHINH	GENUS <i>Brachiaria</i> (Trin.) Griseb. (POACEAE) IN FLORA OF VIETNAM	22
TRAN THE BACH, DO VAN HAI, BUI HONG QUANG, VU TIEN CHINH, DOAN HOANG SON, TRAN DUC BINH, THIEU THI HUYEN TRANG, HA THI DUNG, LE BA DUY, PHAM QUYNH ANH, BUI THU HA, MA THI MAI LOAN, HA MINH TAM, SANGMI EUM	GENUS <i>Sindechites</i> Oliv. - A NEW RECORD FOR FLORA OF VIETNAM	26
VU TIEN CHINH, BUI HONG QUANG, TRAN THI PHUONG ANH	ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI VÀ KHÓA PHÂN LOẠI CÁC CHI TRONG HỌ TIẾT DÊ (MENISPERMACEAE) Ở VIỆT NAM	32
NGUYEN THE CUONG, DO VAN HAI, DUONG THI HOAN, NGUYEN THI HUYEN, NGUYEN TRUNG THANH	TAXONOMY OF BURSERACEAE Kunth IN VIETNAM	38
PHAM THI KIM DUNG, NGUYEN QUANG TRUONG, LUU QUANG VINH	NEW RECORDS OF AMPHIBIANS (AMPHIBIA) FROM BAC KAN PROVINCE	43
LE DUY, DIEP DINH PHONG, PHUNG BA THINH, NGUYEN HAO QUANG, HOANG MINH DUC	A REVIEW OF THE AVIFAUNA OF BAC LIEU BIRD SANCTUARY	51
NGUYEN VAN DU, TRAN HUY THAI, NGUYEN CONG SY, LUU HONG TRUONG, NGUYEN QUOC DAT, TRAN VAN TIEN	<i>Amorphophallus tenuistylis</i> Hett. (ARACEAE): NEW RECORD FOR FLORA OF VIETNAM	54
PHẠM NGỌC DƯƠNG, NGUYỄN THỊ ANH, VŨ ĐÌNH DUY, LÊ XUÂN THẨM	A NEW <i>Tomophasis</i> SPECIES FROM CAT TIEN NATIONAL PARK OF VIETNAM BASED ON THE EVIDENCE FROM MORPHOLOGY AND ITS DNA BARCODES	62

VUONG TAN TU, NGUYEN TRUONG SON, LE HUNG ANH	FIRST RECORD OF JAPANESE PIPISTRELLE, <i>Pipistrellus abramus</i> (Temminck, 1838) ON BACH LONG VI ISLAND, HAI PHONG CITY	386
NGUYEN DINH TU, NGUYEN THI XUAN PHUONG, NGUYEN THANH HIEN, CAO VAN LUONG	MARINE NEMATODES COMMUNITY STRUCTURE ASSOCIATED WITH SEA GRASS BED IN CAT HAI ISLAND, HAI PHONG	391
VASSILIEVA A. B.	ĐA DẠNG KHU HỆ BÒ SÁT VƯỜN QUỐC GIA XUÂN SON (TỈNH PHÚ THỌ): PHÁT HIỆN MỚI	396
LÊ XUÂN VỊ	THỐNG KÊ CÁC LOÀI THUỘC TỘC <i>Archipini</i> (LEPIDOPTERA: TORTRICIDAE) Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM	404
ĐAU QUANG VINH, ONG VINH AN, THAI CANH TOAN, NGUYEN KIM TIEN	FIRST RECORDS OF <i>Theioderma corticale</i> (Boulenger, 1903) IN NGHE AN AND HA TINH PROVINCES	408
ĐO THI XUYEN, NGUYEN ANH DUC, DANG MINH TU, HA VAN HOAN	STATUS OF FERNS IN BAC HUONG HOA NATURE RESERVE, QUANG TRI PROVINCE, VIETNAM	417
NGUYEN THI MY YEN, NGO XUAN QUANG	COMMUNITY STRUCTURE OF FREE LIVING NEMATODE IN 3 STATIONS IN THE SAI GON RIVER	424
	BIODIVERSITY AND CONSERVATION	425
ALEXEI V. ABRAMOV, ALEXANDER E. BALAKIREV, TRẦN QUANG TIỀN	NGHIÊN CỨU THỦ NHỎ Ở VƯỜN QUỐC GIA CHU MOM RAY, TỈNH KON TUM	432
DANG VAN AN, BUI TUAN VIET, HOANG THI HIEN	THE FIRST STUDY ON DIVERSITY OF ANTS (HYMENOPTERA: FORMICIDAE) IN THE LEAF- LITTER IN CAT BA NATIONAL PARK, HAI PHONG	439
CHU HOANG TUAN ANH, NGUYEN THI THANH HUONG	DIVERSITY OF VASCULAR PLANTS IN HUU LIEN NATURE RESERVE, LANG SON PROVINCE, VIETNAM	446
NGO ANH, NGUYEN THI CHI LE	DIVERSITY OF MACRO-MYCOFLORA IN THE CAM LÔ DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE	453
NGO ANH, NGUYEN THI PHUONG	DIVERSITY OF MACROMYCOFLORA IN THE PHONG DIEN DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE, VIETNAM	460
PHAM VAN ANH, TU VAN HOANG, KHAM DI PHENG KIA CHU, NGUYEN QUANG TRUONG, NGUYEN LAN HUNG SON, NGUYEN KIM TIEN	THE HERPETOFAUNAL DIVERSITY OF SON LA CITY, SON LA PROVINCE	467

BẢNG TRA CỨU TÊN TÁC GIẢ

ALEXANDER E. BALAKIREV	427	ĐINH HỮU QUỐC BẢO	599
ALEXEI V. ABRAMOV	427	TRẦN VĂN BẰNG	268, 482
ĐẶNG VĂN AN	433	NGUYỄN THỊ THU BÍCH	221
ÔNG VĨNH AN	405, 1259	NGUYỄN QUỐC BÌNH	1044, 1100, 1150
NGUYỄN THỊ GIANG AN	161	NGUYỄN THỊ HƯƠNG BÌNH	1700
BÙI THỊ KIM ANH	1540	TẠ THỊ BÌNH	1821
CHU HOÀNG TUẤN ANH	440	TRẦN ĐỨC BÌNH	23
ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	1562, 1568	TRỊNH NGỌC BÓN	179
ĐỖ TUẤN ANH	1266	LÊ XUÂN CẢNH	1802
HÀ TUẤN ANH	1113	ĐỖ XUÂN CẨM	1370
HOÀNG LÊ TUẤN ANH	1025, 1245, 1250	LÊ THỊ CHAU	556
LÊ HÙNG ANH	383, 665, 987, 1032	ĐÀO THỊ MINH CHÂU	1050, 1055
LÊ TUẤN ANH	531	LÊ THỊ MỸ CHÂU	1078
LƯU ĐÀM NGỌC ANH	1038, 1113	NGÔ THỊ TƯỜNG CHÂU	1283, 1693, 1636
NGÔ ANH	447, 454	NGUYỄN NGỌC CHÂU	11, 1266, 1317, 1595, 1733
NGUYỄN ĐỨC ANH	1636	I-SHIUNG CHEN	321
NGUYỄN HOÀNG LAN ANH	1073	TRẦN THỊ PHƯƠNG CHI	1145
NGUYỄN THỊ ANH	55, 1271	NGUYỄN TẤN CHIẾN	214
NGUYỄN THỊ THU ANH	642	NGUYỄN DUY CHINH	1228
NGUYỄN THỊ TÚ ANH	1300	VU TIEN CHINH	27
NGUYỄN THỊ VĂN ANH	1038, 1113	VŨ TIẾN CHINH	17, 23, 265, 800
PHẠM QUỲNH ANH	23, 1087, 1172	BÙI VĂN CHUẨN	642
PHẠM VĂN ANH	461	ĐỖ HOÀNG CHUNG	1288
PHẠM THỊ VĂN ANH	166	MAI VĂN CHUNG	1078
TẠ THỊ MAI ANH	11	NGUYỄN THỊ THU CHUNG	1073
TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	27	TRỊNH VĂN CHUNG	966
TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	17, 69, 179, 182, 265, 528, 819, 1201, 1245, 1250, 1025	NGÔ ĐẮC CHỨNG	514, 639, 1293
TRỊNH TAM ANH	773	NGUYỄN THỊ KIM CỎ	1073
VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	468, 475	LÊ NGỌC CỒNG	922, 1062
ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH	1277	PHÍ VĂN CỒNG	1556
NGUYỄN VIỆT BÁCH	954	LƯU ĐÀM CỬ	1189
TRẦN THÊ BÁCH	23, 281, 100, 1067, 1087, 1150, 1106	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	563
PHẠM HỒNG BÀN	750, 883, 943, 960, 1083	NGUYỄN TÙNG CƯỜNG	811
NINH KHÁC BÀN	96, 1067, 1189, 1357	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	1189
		NGUYỄN QUANG CƯỜNG	204, 1300
		NGUYỄN THÊ CƯỜNG	33, 488, 819, 1032, 1093, 1201

GHI NHẬN MỚI VỀ PHÂN BỐ ẾCH CÂY SÀN BẮC BỘ
Theioderma corticale (Boulenger, 1903) Ở NGHỆ AN VÀ HÀ TĨNH

ĐẬU QUANG VINH

Trường THPT Quỳnh Hợp 3, Quỳnh Hợp, Nghệ An

ÔNG VINH AN, THÁI CẢNH TOÀN

Trường Đại học Vinh

NGUYỄN KIM TIÊN

Trường Đại học Hồng Đức

Loài Ếch cây sàn bắc bộ *Theioderma corticale* đặc hữu, hiếm gặp, có màu sắc đẹp và là loài tượng trưng bản địa làm cảnh; phân bố ở Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La (Nguyen et al, 2009), Yên Tử (Trần Thanh Tùng 2009), Tuyên Quang (Hoàng Văn Ngọc 2011), Quảng Bình (theo Lưu et al, 2013) của Việt Nam. Trong bài báo này chúng tôi dẫn ra dữ liệu về phân bố, đặc điểm sinh học sinh thái của loài này lần đầu tiên phát hiện ở Nghệ An và Hà Tĩnh, góp phần làm cơ sở khoa học cho việc bảo tồn.

I. TƯ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mẫu nghiên cứu: DQV03007(N: 18°27'915", E: 105°43'563", 277m, 20h23', ngày 21/06/2012) do Đậu Quang Vinh, Thái Cảnh Toàn và Nguyễn Việt Hùng ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh; OVAPH163(N: 19°20'468", E: 105°01'387", 645 m, tháng 7/2013) do Đậu Quang Vinh, Ông Vinh An, Hoàng Quốc Dũng, Trần Thị Thiện, Nguyễn Thị Hằng, Vi Văn Thiện thu thập vào tháng 7/2013 ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huông, thuộc xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Trong các đợt khảo sát, mẫu được thu thập bằng tay, vào buổi tối từ 18h00' đến 24h00', trùng với thời gian hoạt động chủ yếu của lưỡng cư. Ban ngày chúng tôi tiến hành chụp ảnh để ghi lại màu sắc tự nhiên và xử lý mẫu. Mẫu thu được ghi nhật kí, chụp ảnh, cố định bằng formalin 10% trong 24h hoặc 1 tuần sau đó chuyển sang bảo quản ở cồn 70°. Tên khoa học, tên phổ thông theo Nguyễn Văn Sáng và cs. (2009).

Các chỉ tiêu hình thái được đo với độ chính xác đến 0,01 mm bao gồm: Dài thân (SVL): từ nút mõm đến huyết; Dài đầu (HL): từ nút mõm đến xương góc hàm; Rộng đầu (HW): bề rộng lớn nhất của đầu, thường là khoảng cách hai góc sau của hàm; Khoảng cách mõm mắt (ESL): khoảng cách từ trước mắt đến nút mõm; Đường kính mắt (ED): chiều dài lớn nhất của ổ mắt; Dài màng nhĩ (TD): bề dài lớn nhất của màng nhĩ; Gian ổ mắt (IOD): khoảng cách nhỏ nhất giữa 2 ổ mắt; Khoảng cách tai mắt (TED): Khoảng cách từ sau mắt đến màng nhĩ; Dài đuôi FL: từ huyết đến khớp gối; Dài ống chân (TL): khớp gối đến cuối khớp ống - cổ; Dài bàn chân (FOT): mép củ bàn trong đến nút ngón 4.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tên khoa học: *Theioderma corticolor*(Boulenger, 1903)

Tên Việt Nam: Ếch cây sàn bắc bộ.

Số mẫu: 02 (con cái DQV03007, con đực OVAPH163).

Đặc điểm chẩn loại:

Con đực: SVL: 67,76; HW: 28,59; HL: 27,15; IOD: 7,18; ED: 6,67; TD: 5,97; ESL: 11,80; TED: 3,67; FL: 33,71; TL: 33,07; FOT: 27,99; HL/HW: 0,95; ESL/HL: 0,43; TD/ED: 0,89; ED/ESL: 0,57; TL/SVL: 0,49; ESL/SVL: 0,17; IOD/ED: 1,08; FL/TL: 1,02.

Con cái: SVL: 67,45; HW: 27,02; HL: 27,67; IOD: 6,89; ED: 6,00; TD: 5,56; ESL: 11,80; TED: 4,01; FL: 33,78; TL: 34,45; FOT: 27,43; HL/HW: 1,02; ESL/HL: 0,40; TD/ED: 0,83; ED/ESL: 0,55; TL/SVL: 0,51; ESL/SVL: 0,16; IOD/ED: 1,15; FL/TL: 0,98.

Mô tả: Kích thước cơ thể lớn (Con đực SVL: 67,76 mm, con cái SVL: 67,45 mm). Đầu to, dẹt, dài gần bằng rộng, mắt tròn, vàng má xiên, hơi lõm; màng nhĩ hình tròn, nhỏ hơn đường kính mắt; có răng liềm.

Chỉ trước chỉ có màng ở gốc giữa ngón tay III và IV, mắt ngón tay có đĩa bám rất lớn, ở con đực chài sinh dục ở ngón I màu kem, chiều dài các ngón I<II<IV<III; chỉ sau có màng bám hoàn toàn, trừ ngón IV; đĩa ngón chân nhỏ hơn đĩa ngón tay; khi gấp dọc thân, khớp cổ - bả khớp đến góc sau mắt; chiều dài các ngón I<II<III<V<IV, cú bản trong phát triển, không có cú bản ngoài.

Da lưng sần sùi hơi nhiều mụn cóc lớn và những nốt sần nhỏ, trên đầu và quanh hậu môn có nhiều nốt sần hình chóp. Lưng xanh rêu, xen lẫn với những vân nâu đỏ không có hình dạng cố định; chỉ có các vết ngang, sẫm màu; sườn và bụng vàng với các vết hay vân đen (Hình 1).



Hình 1: Màu sắc tự nhiên của con đực ở Khu BTTN Pù Huông

Sinh học, sinh thái: Một mẫu cá thể cái trưởng thành (DQV03007) thu thập ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh vào lúc 20h23', ngày 21/06/2012 ở độ cao 277 m so với mực nước biển, mẫu thu trên cây, cách mặt đất 0,5 m, cách suối hơn 10 m, trong rừng thường xanh. Mẫu cá thể đực trưởng thành (OVAPH163) thu thập ở Khu BTTN Pù Huông, tỉnh Nghệ An vào tháng 7/2013, ở độ cao 645 m so với mực nước biển, trong hốc cây có nước, cách mặt đất 10 m, trong rừng thường xanh.

Kết luận: Các chỉ tiêu hình thái giữa con đực và con cái ở Khu BTTN Pù Hương và VQG Vũ Quang tương tự nhau, trong đó SVL, HW, IOD, ED, TD, ESL, FOT, ESL/HL, ED/ESL, ED/SVL, IOD/ED, FL/TL ở con đực lớn hơn con cái và HL, TED, FL, TL, HL/HW, TD/ED, ED/ESL ở con cái lớn hơn con đực. So sánh với mô tả của Lưu *et al.*, 2013 ở Phong Nha Kẻ Bàng cho thấy, cá thể đực ở Khu BTTN Pù Hương có các chỉ tiêu hình thái tương tự nhau (SVL: 61,3-69,7 mm và SVL: 67,76 mm), đầu rộng hơn dài (HW: 26,3-28,6 mm, HL: 24,1-27,5 mm và HW: 28,59 mm, HL: 27,15 mm); dài mõm lớn hơn đường kính mắt (ESL: 9,0-10,0 mm, ED: 6,2 mm và ESL: 11,65 mm, ED: 6,67 mm); màng nhĩ lớn hơn đường kính mắt (TD: 4,0-4,9 mm, ED: 5,56 mm và TD: 3,3-3,9 mm, ED: 6,00 mm); có răng lá mía; chi sau dài đùi, dài ống chân lớn đi hơn chi (FL: 25,5-32,2 mm TL: 31,8-34,0 mm, FOT: 27,8-30,5 mm và FL: 33,71 mm; TL: 33,07 mm, FOT: 27,99 mm) (bảng 1).

Bảng 1

So sánh một số đặc điểm hình thái của loài *Theioderma corticolor*

TT	Con đực		Con cái
	Nghệ An (n=1)	Quảng Bình (n=3)*	Hà Tĩnh (n=1)
SVL	67,76	61,3-69,7	67,45
HL	27,15	24,1-27,5	27,67
HW	28,59	26,3-28,6	27,02
ESL	11,65	9,0-10,0	11,01
ED	6,67	6,2	6,00
TD	5,97	4,0-4,9	5,56
IOD	7,18	6,1-6,5	6,89
TED	3,67	3,3-3,9	4,01
FL	33,71	25,5-32,2	33,78
TL	33,07	31,8-34,	34,45
FOT	27,99	27,8-30,5	27,43
HL/HW	0,95	-	1,02
ESL/HL	0,43	-	0,40
TD/ED	0,90	-	0,93
ED/ESL	0,57	-	0,55
TL/SVL	0,49	-	0,51
ESL/SVL	0,17	-	0,16
IOD/ED	1,08	-	1,15
FL/TL	1,02	-	0,98

* Cá thể đực Mẫu ở Quảng Bình theo Lưu *et al.*, 2013 Phân bố: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La (Nguyễn *et al.*, 2009), xã Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (Trần Thành Tuấn, 2009), xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Hoàng Văn Ngọc 2011), Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình (Lưu *et al.*, 2013). Như vậy, đây là lần đầu tiên ghi nhận phân bố của BTTN Pù Hương, tỉnh Nghệ An và Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Văn Ngọc, 2011. Nghiên cứu lưỡng cư, Bò sát ở ba tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Luận án tiến sĩ Sinh học, Đại học sư phạm Hà Nội, 144 trang.
- Nguyễn, V. S., C. T. Hu, T. Q. Nguyen, 2009. Herpetofauna of Vietnam. Edition 2009, Frankfurt am Main, 768 pp.

3. Trần Thanh Tông, 2009. Góp phần nghiên cứu lưỡng cư, bò sát ở vùng núi Yên Tử. Luận án tiến sĩ Sinh học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
4. Đậu Quang Vinh, Nguyễn Văn Sáng, Lê Thị Hồng Lam, Hoàng Xuân Quang, 2013. Đa dạng thành phần loài và sự phân bố theo độ cao của họẾch cây Rhacophoridae tại Khu dự trữ thiên nhiên Phụng Nha-Ke Bang National Park, Quảng Bình Province, Vietnam. BTTN Pđ Hoạt. Báo cáo khoa học Toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 5, Nhà Nđng nghiêp, trang 894-897.
5. Lam, Q. V., Q. T. Nguyen, C. T. Pham, K. N. Dang, T. N. Vu, S. Miskovic, M. Ronkowski, T. Ziegler, 2013. No end in sight? Further new records of amphibians and reptiles from Phong Nha-Ke Bang National Park, Quang Binh Province, Vietnam. Biodiversity Journal, 4 (2): 285-300.
6. Rowley, J. J., T. T. D. Le, D. H. Hoang, Q. V. Dau, T. T. Cao, 2011. Two new species of *Theioderma* (Anura: Rhacophoridae) from Vietnam. Zootaxa 3098, pp. 1-20.

FIRST RECORDS OF *Theioderma corticale* (Boulenger, 1903) IN NGHE AN AND HA TINH PROVINCES

ĐAU QUANG VINH, ONG VINH AN,
THAI CANH TOAN, NGUYEN KIM TIEN

SUMMARY

We recorded specimens of *Theioderma corticale* for the first time from Nghe An and Ha Tinh provinces. An adult male was collected in the evergreen forest on the Pu Huong Nature Reserve, Quy Hop district, Nghe An province in July 2013 and an adult female was collected in the evergreen forest on the Vu Quang National Park, Vu Quang district, Ha Tinh Province in June 2012. Additional data of morphology and natural history of this species are provided.